

**QUỸ ETF MAFM VN30
MAFM VN30 ETF**

Số/No: 148/2025/CV-MAFM

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2025
Hanoi, day 18 month 02 year 2025

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/ To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: QUỸ ETF MAFM VN30
- Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMA30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 17/02/2025
- Đơn vị tính lô/ *Unit*: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ *1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT Order	Mã chứng khoán Securities symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	Chứng Khoán/ Stock		99.5%
1	ACB	4400	7.0%
2	BCM	100	0.4%
3	BID	300	0.8%
4	BVH	100	0.3%
5	CTG	900	2.3%
6	FPT	1000	9.0%
7	GAS	100	0.4%
8	GVR	200	0.4%
9	HDB	2900	4.1%
10	HPG	3900	6.3%
11	LPB	3200	7.5%
12	MBB	3700	5.3%
13	MSN	900	3.8%
14	MWG	1300	4.5%
15	PLX	100	0.3%
16	SAB	100	0.3%
17	SHB	3400	2.3%
18	SSB	2300	2.8%
19	SSI	1500	2.3%
20	STB	2100	5.0%
21	TCB	5100	8.3%
22	TPB	1500	1.6%
23	VCB	700	4.0%
24	VHM	1100	2.7%
25	VIB	2200	2.8%
26	VIC	1300	3.3%
27	VJC	300	1.8%
28	VNM	900	3.4%
29	VPB	4800	5.7%
30	VRE	1000	1.0%
II.	Tiền/ Cash (VND)	7,616,878	0.5%
III.	Tổng Cộng/ Total		100.0%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,599,615,000 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,607,231,878 VND
- + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 7,616,878 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch / *Transfer the difference into the Fund's escrow account*
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF / *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive the difference after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason*:

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	25,750	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	40,650	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
3	BVH	54,400	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
4	HDB	22,850	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	22,850	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	TCB	26,000	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	TPB	16,900	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	VIB	20,450	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other information:

Chi tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*) 17/02/2025	Kỳ trước/ Last period (**) 14/02/2025	Chênh lệch Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	48,200,000	48,200,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ Closing price	16,050	16,120	(70)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation date			
- của quỹ ETF/ of the Fund	774,685,765,308	773,152,362,960	1,533,402,348
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,607,231,878	1,604,050,546	3,181,332
- của 1 CCQ/ per share	16,072.31	16,040.50	31.81
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking index	1,334.01	1,340.52	(6.51)

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ item 5 is net asset value at 16/02/2025

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ item 5 is net asset value at 13/02/2025

Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật
CEO and legal representative

S.G.P: 36 - C.C.E.O. & L.E.G.A.L. R.E.P.R.E.S.E.N.T.A.T.I.V.E

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
MIRAE ASSET
(VIỆT NAM)

Q. NAM T. LIEM - T. P. H. N. C. I. T. A. S. E. S. P. A. C.

Soh Jin Wook